TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:48 /2021/HNGĐ-ST
Ngày: 30/09/2021.
V/v "*ly hôn và nuôi con* ".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Nguyễn Đức Hoàng**.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Xuân Tùng.**
2. Ông **Lê Truyền Bình.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Ngô Thị Hữu** - Thư ký Tòa án của Toà án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng *tham gia phiên tòa*: Ông **Nguyễn Đức Khoa** – Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 9 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 69/2021/TLST - HNGĐ ngày 21 tháng 05 năm 2021 về việc "*Ly hôn* và *nuôi con* " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2021; Thông báo số 69 ngày 12/8/2021 và quyết định hoãn phiên tòa số: 30/2021/QĐHPTST-HNGĐ ngày 13/9/2021; giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Ông **Nguyễn Văn H–** Sinh năm: 1977. Địa chỉ: K382/6E N, phường H, quận H, thành phố Đ. Có mặt.

* *Bị đơn:* Bà **Võ Thị H–** Sinh năm: 1986; Địa chỉ nơi cư trú cuối cùng: K382/6E N, phường H, quận H, thành phố Đ.

(Vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 06/5/2021, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là ông **Nguyễn Văn H** trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Ông H và bà Võ Thị H kết hôn vào năm 2012, có đăng kí kết hôn tại UBND phường H, quận H, thành phố Đ (Số 36/2012 ngày 03/4/2012) hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, ông bà sống tại K382/6E N, phường H, quận H, thành phố Đến 2015 là bà H bỏ nhà đi đâu ông H không biết Từ khi bỏ đi ông H đã nhiều lần tìm kiếm trên phương tiện đại chúng và người thân nhưng không có kết quả,

năm 2020 ông H làm đơn Tuyên bố bà H mất tích, được Tòa án ra quyết định số 14/2020/QĐST-DS ngày 16/9/2020 và từ đó đến nay vẫn không thấy bà H trở về.

Vì vậy, ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Võ Thị H.

+ *Về quan hệ con chung*: Vợ chồng có 01 con Nguyễn Nguyên C, sinh ngày 24/01/2013. (Đối với cháu C trước đây tên là Nguyễn Thủy T). Ly hôn ông H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con.

+ Về tài sản chung: Ông H không yêu cầu tòa án giải quyết.

+ *Về nợ chung*: Ông H xác nhận không có nợ chung.

***Trong quá trình giải quyết vụ án**, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bà Võ Thị H tham gia tố tụng để giải quyết vụ án nhưng bà H vẫn không có mặt tại địa phương, vắng mặt không có lý do, nên Tòa án không thu thập được lời khai của bà H.

*****Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án là tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung, đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Chấp nhận yêu cầu của ông H về việc ly hôn với bà H; Về con chung 01 con Nguyễn Nguyên C, sinh ngày 24/01/2013. Ly hôn giao ông H được trực tiếp nuôi dưỡng con.

+ Về tài sản chung: Ông H không yêu cầu tòa án giải quyết.

+ *Về nợ chung*: Ông H xác nhận không có nợ chung. Nên đề nghị Tòa án không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

-Thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Nguyễn Văn H khởi kiện ly hôn với bà Võ Thị H – Sinh năm: 1986; Địa chỉ nơi cư trú cuối cùng: K382/6E N, phường H, quận H, thành phố Đ; Vì vậy,Tòa án nhân quận Hải Châu thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Trong quá trình giải quyết vụ án Bị đơn bà Võ Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng tại phiên tòa vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu khởi kiện của ông H về việc ly hôn với bà H; HĐXX xét thấy ông H và bà H kết hôn vào năm 2012, đăng kí kết hôn tại UBND phườngH, quận H, thành phố Đ (Số 36/2012 ngày 03/4/2012) ; Căn cứ các điều 8, 9 Luật Hôn nhân gia đình, như vậy hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông H kiên quyết xin ly hôn với bà H vì lý do hiện nay bà H đã mất tích và từ năm 2015 đến nay bà H không trở về nhà. Nay ông H không còn tình cảm đối với bà H. Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án điều này chứng minh tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông H đề nghị được ly hôn với bà H là có căn cứ. Mặt khác, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bà H và niêm yết xác minh tại địa phương, nhưng vẫn không có tin tức gì về bà H; Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Văn H.

***[2.2] Về quan hệ con chung*: Ông H xác nhận vợ chồng** có 01 con Nguyễn Nguyên C, sinh ngày 24/01/2013. (Cháu C trước đây tên Nguyễn Thủy T, năm 2019 đổi tên thành Nguyễn Nguyên C). Ly hôn ông H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không đề cập việc cấp dưỡng, xét hiện nay bà H đã mất tích không trở về, việc ông H yêu cầu được nuôi dưỡng con chung là có cơ sở, căn cứ Điều 81,82, 83 nên cần được chấp nhận.

***[2.3]* Về tài sản chung:**: Ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đề cập giải quyết .

***[2.4]* Về nợ chung:** Ông H xác nhận không có, nên HĐXX không đề cập giải quyết .

[3] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng ông Nguyễn Văn H phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H đối với bà Võ Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn H được ly hôn với bà Võ Thị H.

2. Về quan hệ con chung: Giao con Nguyễn Nguyên C, sinh ngày 24/01/2013. Cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng.

Các bên đương sự vẫn có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Bên không nuôi con có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết vì lợi ích con chung các bên có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không đề cập giải quyết.

4. Về nợ chung: Ông H xác nhận không có, nên HĐXX không đề cập giải quyết.

5. Về án phí*:* Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng ông Nguyễn Văn H phải chịu, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ông H đã nộp theo biên lai thu số 5470 ngày 21/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu. Ông Nguyễn Văn H đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo*:* Các đương sự có mặt có quyền kháng trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND quận Hải Châu;
- Chi cục THADS quận Hải Châu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đã ký

Nguyễn Đức Hoàng